

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/ HNGĐ - ST  
Ngày: 30/9/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng
2. Bà Lại Thị Thuý Hằng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 345/2022/TLST–HNGĐ ngày 10/8/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/09/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bé S, sinh năm: 1995

HKTT: tổ 2, ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: tổ 2, khu phố 6, phường P, Tp. B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn*: anh Phan T, sinh năm: 1995

Địa chỉ: tổ 2, ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Phan T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND xã Lâm San theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2019 ngày 14 tháng 3 năm 2019. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, đôi khi đánh nhau. Mâu thuẫn kéo dài từ cuối năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân đến nay được nửa tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung: Phan Thành Nhân, sinh ngày 05/03/2020. Sau khi ly hôn, chị giao cháu Thành Nhân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai đối chất anh Phan T trình bày: anh thống nhất với chị S về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi cũng có mâu thuẫn do chị S đi chơi nên vợ chồng cãi nhau, lâu lâu trong lúc cãi nhau anh có đánh chị S. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị S nên anh không đồng ý ly hôn; nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thành Nhân và không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: không có.

\* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: cho chị S ly hôn anh T; giao cháu Thành Nhân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời chị S không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị Bé S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề con chung với anh Phan T và anh T hiện đăng ký hộ khẩu tại xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị S có đơn yêu cầu ly hôn anh T nên chị S là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh T kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn theo chị S anh chị chung sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, đôi khi đánh nhau. Mâu thuẫn kéo dài từ cuối năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân đến nay được nửa tháng. Anh T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do chị S đi chơi nên vợ chồng cãi nhau và đôi lúc anh có đánh chị S. Xét thấy, anh chị có mâu thuẫn cãi nhau và đôi khi đánh nhau, chị S xác định không còn tình

cảm vợ chồng với anh T nên anh chị không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

[5] Về con chung: chị S và anh T thống nhất nếu trường hợp ly hôn thì giao cháu Thành Nhân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị S không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, giao cháu Thành Nhân cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và tạm thời chị S không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé S.

1. Cho chị Nguyễn Thị Bé S được ly hôn anh Phan T.

2. Về con chung: giao cháu Phan Thành Nhân, sinh ngày 05/03/2020 cho anh Phan T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời chị S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T, chị S vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị S có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: chị S phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số T 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà chị S đã nộp tại biên lai số 0001441 ngày 09/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị S đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã L;
- Đường sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Mai Trung**